

Bản án số: 51/2023/DS-PT

Ngày: 10/5/2023

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương.

- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Ông Lê Văn Duy.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Bà Lê Thị Vân-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 235/2022/LĐ-ST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Châu Thị B; cư trú tại: Tổ 7, khu vực 2, phường Đ, thành phố Q, tỉnh BĐ.

Đại diện hợp pháp của bà Châu Thị B: Ông Nguyễn Đức Th; cư trú tại: Tổ 7, khu vực 2, phường Đ, thành phố Q, tỉnh BĐ là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/01/2021); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Châu Thị B: Luật sư Trương Quốc D, hoạt động tại Văn phòng Luật sư BĐ thuộc Đoàn luật sư tỉnh BĐ; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Châu Thành Đ; cư trú tại: Tổ 7, khu vực 2, phường Đ, thành phố Q, tỉnh BĐ.

Đại diện hợp pháp của ông Châu Thành Đ: Anh Châu Hoàng V; cư trú tại: Tổ 7, khu vực 2, phường Đ, thành phố Q, tỉnh BĐ và Anh Bùi Quốc C; khu vực 10, phường Đ, thành phố Q, tỉnh BĐ là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy

quyền ngày 21/11/2022 và ngày 14/01/2021); anh C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh V có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Thúy K; cư trú tại: Số 117/01 đường T, tổ 6, KV 4, phường H, thành phố Q, tỉnh BĐ.

2. Chị Nguyễn Thị Thùy Tr; cư trú tại: tổ 6, KV 4, phường H, thành phố Q, tỉnh BĐ.

3. Chị Nguyễn Thị Thúy K; cư trú tại: tổ 5, KV 1, phường H, thành phố Q, tỉnh BĐ; có mặt.

Đại diện hợp pháp của chị Kiều, chị Trang: Chị Nguyễn Thị Thúy K; cư trú tại: tổ 5, KV 1, phường H, thành phố Q, tỉnh BĐ (văn bản ủy quyền ngày 04/02/2021); có mặt.

4. Chị Châu Thị Tường Q; cư trú tại: T9 đường B, phường H, thành phố B, tỉnh ĐN.

5. Chị Châu Thị Văn U; cư trú tại: Số nhà 92, đường 13, phường B, quận B, Thành phố HCM.

6. Anh Châu Bảo Kh; cư trú tại: Số nhà 92, đường 13, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Chị Trần Thị Kim Oanh; cư trú tại: Thôn D, xã A, huyện Q, tỉnh TB.

8. Bà Nguyễn Thị Oanh Đ2; cư trú tại: Tổ 8, khu vực 2, phường Đ, thành phố Q, tỉnh BĐ; có mặt.

9. Chị Châu Thiên Gi; cư trú tại: Tổ 8, khu vực 2, phường Đ, thành phố Q, tỉnh BĐ; vắng mặt.

10. Chị Châu Thiên A; cư trú tại: Tổ 8, khu vực 2, phường Đ, thành phố Q, tỉnh BĐ; có mặt.

11. Chị Châu Thiên B2; cư trú tại: Tổ 8, khu vực 2, phường Đ, thành phố Q, tỉnh BĐ; có mặt.

Đại diện hợp pháp của chị Quyên, chị U, anh Kh, chị O, bà Đ2, chị Gi, chị A và chị B2: Ông Nguyễn Đức Th là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/01/2021, 13/01/2021 và 14/01/2021); có mặt.

12. Cháu Trần Thị Bảo T.

13. Cháu Nguyễn Trần Bảo N.

Cùng Cư trú tại: Thôn D, xã A, huyện Q, tỉnh TB.

Đại diện hợp pháp của cháu T, cháu N: Chị Trần Thị Kim O; cư trú tại: Thôn D, xã A, huyện Q, tỉnh TB; vắng mặt.

14. Anh Châu Hoàng V; cư trú tại: Tổ 7, khu vực 2, phường Đ, thành phố Q, tỉnh BĐ; có mặt.

15. Chị Đào Thị Tố L; cư trú tại: Tổ 7, khu vực 2, phường Đ, thành phố Q, tỉnh BĐ; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Châu Thành Đ là bị đơn, chị Đào Thị Tố L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Châu Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án chị Q, chị U, anh Kh, chị O, bà Đ2, chị Gi, chị A và chị B là ông Nguyễn Đức Th trình bày:

Cụ Châu B2 chết năm 2014, cụ Nguyễn Thị Tr2 chết 1983, hai cụ có 08 người con chung, gồm: Ông Châu Thành C2 (chết 2002) có vợ là Đan Thị Tuyết Ng (chết 2017), có 03 người con: Chị Châu Thị Tường Q, chị Châu Thị Văn U và anh Châu Bảo Kh. Bà Châu Thị Th (chết 2010) có chồng là Nguyễn Văn Đ3 (chết 2012) có 04 người con: Chị Nguyễn Thị Thúy K, chị Nguyễn Thị Thuỳ Tr, Nguyễn Thị Thúy K và anh Nguyễn Châu Kh (chết 2011) có vợ là Trần Thị Kim O, và 02 con là: Cháu Nguyễn Trần Bảo T và Nguyễn Trần Bảo N. Ông Châu Thành C2 (chết 2006) không có vợ con; Ông Châu Thành Th (chết 2010) có vợ là Nguyễn Thị Oanh Đ2 và 03 người con là: Chị Châu Thiên Gi, chị Châu Thiên A, chị Châu Thiên B2; bà Châu Thị B; ông Châu Thành Đ. Ngoài ra cụ Châu B2, cụ Nguyễn Thị Tr2 không có con nuôi con riêng nào khác. Cụ B2, cụ Tr2 chết không để lại di chúc.

Tài sản của cụ ông B2, cụ Tr2 là nhà, đất tại số 998 đường T, thành phố Q, tỉnh BĐ. Đến 1999, cụ B2 đã trích 90m² cho ông Châu Thành Đ xây nhà ở riêng (hiện nay là số nhà 960/5/21 đường T, thành phố Q, BĐ), phần còn lại cụ B2 đã bán giá 32 cây vàng 24K và mua lại ngôi nhà cấp 4 của bà Trần Thị H thuộc thửa đất số 89, tờ bản đồ số 55, diện tích 108,4m² tại tổ 8, KV2, phường Đ, thành phố Q, BĐ có giấy viết tay. Sau khi mua nhà này cụ B2 chia làm 02 gian, gian trước cụ B2 và ông Châu Thành C sử dụng, còn gian nhà sau cụ B2 cho gia đình ông Châu Thành Th và bà Nguyễn Thị Oanh Đ2 cùng các con của ông Th, bà Đ2 ở. Năm 2010 ông Th chết, anh Châu Hoàng V là con của ông Châu Thành Đ cùng vợ con về ở. Đến năm 2014, cụ B chết gia đình cùng thống nhất để Châu Hoàng V cùng vợ và con sống ở gian nhà trước để tiện việc lo hương khói cho ông bà ngoại nhưng sau đó anh V và vợ con không ở nữa. Ông Châu Thành Đ muốn chiếm hữu căn nhà của ông B2 nên tự sửa chữa cửa ngõ và khóa tất cả các cửa không cho bất cứ ai vào chỉ đến ngày giỗ thì ông Đ mới mở cửa cho con cháu vào để cúng.

Nay bà Châu Thị B yêu cầu chia thừa kế là nhà và đất tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 55, diện tích 106,4m² theo đo đạc thực tế của Công ty CP tư vấn Đ tại tổ 8, KV2, phường Đ, thành phố Q, tỉnh BĐ theo qui định pháp luật; bà B cùng với bà Nguyễn Thị Oanh Đ nhận hiện vật đồng sở hữu, sử dụng nhà, đất này và thanh toán giá trị thừa kế của ông B, bà Tr2 cho các đồng thừa kế khác. Nguyên đơn và các đồng thừa kế của ông B2, bà Tr2 thống nhất anh Châu Hoàng V, chị Đào Thị Tố L có bỏ ra chi phí xây mộ ông Châu B2 là 36.067.000

đồng và 2.000.000 đồng tiền làm đường công cộng tự nguyện thanh toán các chi phí này cho anh V, chị L.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Bùi Quốc C, anh Châu Hoàng V, anh Vỹ đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Thông nhất như lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, năm chết của cụ B2 cụ Tr2 và di sản của hai cụ để lại. Bị đơn không đồng ý yêu cầu chia thừa kế nhà và đất tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 55, diện tích 106,4m² theo đo đạc thực tế của Công ty CP tư vấn Đ tại tổ 8, KV2, phường Đ, thành phố Q, tỉnh BD mà có nguyện vọng muốn giữ lại ngôi nhà này để thờ cúng ông bà theo ước nguyện của ông Bí khi còn sống.

Từ năm 2010 anh V, chị L về ở với cụ B. Quá trình sử dụng, anh V, chị L có sửa chữa lại: bắt lại điện, sửa nhà vệ sinh, sơn tường, sửa cửa hàng rào, xây mộ cho ông, sửa mộ lại cho chú Châu Thành Ch, tổng chi phí khoảng 230.000.000 đồng. Cụ B2 chết không để lại di chúc và cũng không để lại nghĩa vụ gì về tài sản. Anh V, chị L là người có công chăm sóc, nuôi dưỡng cụ B2 và bảo quản nhà này từ khi cụ B2 chết cho đến nay. Các khoản làm ống thoát nước sinh hoạt, làm công bảo vệ, xây phòng ở, WC và bếp, mua bàn thờ, lắp công tơ điện và chạy lại điện trong nhà, làm đường công cộng như đã khai trong nội dung biên bản đối chất 19/5/2021 anh V đã nhận được thông báo của Tòa về việc định giá tài sản nhưng anh không yêu cầu Tòa định giá các hạng mục này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị Tố L trình bày:

Thông nhất như trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, năm chết của ông Bích, bà Tri và di sản cụ B2, cụ Tr2 để lại. Riêng về ý kiến chia thừa kế của nguyên đơn chị không đồng ý, chị thống nhất với trình bày của anh Châu Hoàng V đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thúy K và là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thùy Tr, chị Nguyễn Thị Thúy K trình bày:

Thông nhất như trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, năm chết của cụ B2, cụ Tr2 và di sản cụ B2, cụ Tr2 để lại, anh Châu Hoàng V có bỏ ra chi phí xây mộ ông Châu Bích là 36.067.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền làm đường công cộng; đồng ý chia thừa kế tài sản của cụ B2, cụ Tr2 để lại và yêu cầu nhận kỷ phần là trị giá bằng tiền.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 235/2022/LĐ-ST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Châu Thị B.

- Xác định quyền sở hữu ngôi nhà hiện trạng xây dựng là 98,8 m² gắn liền quyền sử dụng diện tích 106,4m² thuộc thửa đất số 89, tờ bản đồ số 55, tại tổ 8, KV2, P. Đồng Đa, TP. Q, tỉnh BD là di sản thừa kế của ông Châu B2 và bà Nguyễn Thị Tri2.

- Bà Nguyễn Thị Oanh Đ2 được quyền sở hữu ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng đất mã nhà N5, 1 tầng, mái ngói, tường xây gạch xê-nô, bê tông cốt thép, trần tole, nền lát gạch hoa, tường sơn nước, chất lượng còn lại 40%, diện tích hiện trạng xây dựng là 98,8 m² thuộc thửa đất số 89, tờ bản đồ số 55, diện tích 106,4m² tại tổ 8, KV2, P. Đ, TP. Q, tỉnh BD (phần A và phần B theo sơ đồ

Trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án này); có tứ cận: Đông giáp với đường luồng đi và nhà bà Sương; Tây giáp nhà ông Ch, ông C, ông Đ; Nam giáp đường đi; Bắc giáp đường đi.

- Buộc bà Nguyễn Thị Oanh Đ2 có nghĩa vụ thanh toán cho: Bà Châu Thị B: 1.129.910.800 đồng, ông Châu Thành Đ: 564.955.400 đồng, chị Nguyễn Thị Thúy K, chị Nguyễn Thị Thúy Tr, chị Nguyễn Thị Thúy K, các cháu Nguyễn Trần Bảo Tr, Nguyễn Trần Bảo N có mẹ ruột là chị Trần Thị Kim O là đại diện hợp pháp: 564.955.400 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Oanh Đ2 có nghĩa vụ thanh toán chi phí xây mộ cụ Châu B2 và tiền làm đường công cộng cho anh Châu Hoàng V, chị Đào Thị Tố L: 38.067.000 đồng

- Buộc anh Châu Hoàng V, chị Đào Thị Tố L giao lại cho bà Nguyễn Thị Oanh Đ phần nhà, đất 50,2 m² mà anh V, chị L đang quản lý, sử dụng (phần B theo sơ đồ Trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án này) có tứ cận: Đông giáp với đường luồng đi và nhà bà S; Tây giáp nhà ông Ch ông C, ông Đ; Nam giáp đường đi; Bắc giáp phần nhà, đất giao bà Đ sở hữu, sử dụng.

- Ghi nhận sự tự nguyện chị Châu Thị Tường Q, chị Châu Thị Văn U, anh Châu Bảo Kh - là thừa kế thế vị của ông Ch Thành C nhường kỷ phần thừa kế nhận cho bà Ch Thị B

- Ghi nhận sự tự nguyện các chị Châu Thiên Gi, Châu Thiên A, Châu Thiên B là thừa kế thế vị của ông Châu Thành Th nhường kỷ phần thừa kế nhận cho bà Nguyễn Thị Oanh Đ

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế thanh toán lại cho anh Châu Hoàng V, chị Đào Thị Tố L chi phí xây mộ ông Châu B2 và tiền làm đường công cộng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 07/12/2022 ông Châu Thành Đ và chị Đào Thị Tố L kháng cáo. Ông Đ yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chị L yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm. Ngày 21/4/2023, ông Châu Thành Đ kháng cáo bổ sung yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị tuyết Ng là vợ ông Châu thành Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bỏ sót người tham gia tố tụng. Ngày 21/4/2023, chị Đào Thị Tố L kháng cáo bổ sung yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không tính công sức quản lý, tôn tạo di sản cho vợ chồng chị là vi phạm quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng chị.

Luật sư Trương Quốc D trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ khoản 1 Điều 59 của Bộ luật tố tụng dân sự tạm ngừng phiên tòa để tiến hành định giá lại tài sản tranh chấp và xác minh, thu thập thêm chứng cứ giải quyết triệt để vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Châu Thánh Đông và bà Đào Thị Tố Liễu. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo, kháng cáo bổ sung của ông Châu Thành Đ và chị Đ2 Thị Tố Liễu, HĐXX thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã có những vi phạm như sau:

[1.1] Phía nguyên đơn khai cụ Châu B2 mua nhà và đất tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 55, diện tích 106,4m² tại tổ 8, KV2, phường Đ, thành phố Q, tỉnh BD của bà Trần Thị H, nhưng không biết giá trị là bao nhiêu. Phía bị đơn khai nhà là của vợ chồng ông Châu Thành Đ, bà Nguyễn Thị Tuyết Ng mua của bà Trần Thị H. Tại văn bản ngày 03/11/2022 làm tại số nhà 80 đường B, thành phố Q, tỉnh BD bà Trần Thị H trình bày có nội dung là bán nhà đất nêu trên cho ông Châu Thành Đ với giá 83 chỉ vàng (BL: 235). Như vậy, bà H có địa chỉ rõ ràng và lời khai của bà H là chứng cứ rất quan trọng trong việc xác định nhà đất đang tranh chấp là của cụ B2 mua hay là của vợ chồng ông Đ, bà Ng mua và mặc dù phía bị đơn có yêu cầu, nhưng cấp sơ thẩm không đưa bà H vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng trong vụ án với lý do bị đơn không cung cấp được địa chỉ của bà H là xác minh thu thập, chứng cứ không đầy đủ dẫn đến việc xem xét các tình tiết của vụ án chưa được khách quan.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm phía nguyên đơn chỉ khai rằng tài sản đang tranh chấp là do cụ Châu B2 mua, nhưng không biết là mua với giá bao nhiêu, còn bị đơn ông Châu Thành Đ thì luôn khẳng định vợ chồng ông là người mua nhà của bà Trần Thị H chứ không phải là cụ Châu B2. Ngày 19/10/2022 bà Nguyễn Thị Tuyết Ng (vợ ông Châu Thành Đ) có đơn khai báo với nội dung khẳng định số vàng 83 chỉ vàng mua nhà đất của bà Trần Thị H là của vợ chồng bà ông Đ, bà Ng, đồng thời bà Nga cũng cung cấp chứng cứ là 01 Hóa đơn đảm bảo mua bán vàng ngày 5/8/1998 để chứng minh cho việc mua bán nhà đất giữa vợ chồng bà và bà H (BL: 199, 200, 227). Hơn nữa, ngày 24/10/2023 bà Ng đã làm “Đơn đề nghị hoãn phiên tòa và được tham gia phiên tòa” với nội dung khẳng định bà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và đề nghị được tham gia tố tụng (BL: 198) và mặc dù tại phiên tòa sơ thẩm phía bị đơn có yêu cầu như trên, nhưng cấp sơ thẩm cho rằng bà Nguyễn Thị Tuyết Ng không phải là đương sự trong vụ án nên không chấp nhận. Xét thấy việc cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị Tuyết Ng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bỏ sót người tham gia tố tụng, vi phạm nghiêm trọng quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự, làm mất đi quyền kháng cáo, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ng.

[1.2] Xét thấy vợ chồng ông Châu Hoàng V và bà Đào Thị Tố L về ở với cụ Châu B2 từ năm 2008 và sau khi cụ B2 chết cho đến nay. Quá trình sinh sống với cụ B2, vợ chồng ông V, bà L có nhiều công sức quản lý, tôn tạo khối tài sản này

và việc vợ chồng ông V, bà L không đồng ý việc chia thừa kế tài sản là yêu cầu lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức đóng góp, quản lý, tôn tạo tài sản đang tranh chấp, nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng Án lệ số: 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số: 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để xem xét tính phần công sức đóng góp, quản lý, tôn tạo tài sản cho vợ chồng ông V, bà L mà không nêu rõ lý vì sao do không áp dụng án lệ là vi phạm quy định tại Điều 45 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 8 của Nghị Quyết số: 04/2019/NQ-HĐTP ngày 16/8/2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

[2] Từ những phân tích trên, xét thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, kháng cáo, kháng cáo bổ sung của ông Châu Thành Đ và chị Đ2 Thị Bích L là có căn cứ nên được chấp nhận. Hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Q giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng khác: Nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng khác được xác định lại khi giải quyết khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Chị Đào Thị Bích L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn của Luật sư là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX. Ý kiến về việc giải quyết vụ án là không phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo, kháng cáo bổ sung của ông Châu Thành Đ và kháng cáo, kháng cáo bổ sung của chị Đào Thị Bích L.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 235/2022/LĐ-ST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh BD.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh BD giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho chị Đào Thị Tố L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0003079 ngày 19/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh BĐ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BĐ;
- TAND. TP. Q;
- CCTHADS. TP. Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tuấn

Lê Văn Duy

Võ Công Phương